

3. Vũ Hiếu N, sinh năm 1996, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn H và bà Lương Thị H. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 04/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Đàm M K (tên gọi khác: R), sinh năm 1992, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Xuân Đ và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 04/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Cửu Thị Kim H, sinh năm 1966 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Cửu P (đã chết) và bà Đàm Thị P. Bị cáo có chồng là: Hồng Thanh T, sinh năm 1962 và có 02 con (lớn sinh năm 1988 và nhỏ sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 09/5/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Ngô Thị Kim T, sinh năm 1971, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Q (đã chết) và bà Mai Thị G. Bị cáo có chồng là: Phan M H (đã ly hôn) và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1988; nhỏ nhất sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Thị H; sinh năm 1964, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Huỳnh Thị H (đã chết). Bị cáo có chồng là: Võ T (đã chết) và có 02 con (lớn sinh năm 1988 và nhỏ sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Trần Thị Hoàng A; sinh năm 1981, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị P L (đã chết). Bị cáo có chồng là: Võ Đức Đ và có 02 con (lớn sinh năm 2006 và nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

9. Nghiêm Văn P (tên gọi khác: V), sinh năm 1973 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: thợ làm tóc; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: H; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nghiêm Tính M (đã chết) và bà Trúng Ứng M (đã chết). Bị cáo có chồng là: Bùi Văn M và có 02 con (lớn sinh năm 1995 và nhỏ sinh năm 2001); tiền án,

tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. Lê Thị N; sinh năm 1975 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết). Bị cáo có chồng là: Phạm Phú L và có 02 con (lớn sinh năm 1995 và nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Thị H1; sinh năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Hồng H. Bị cáo không có chồng, có 02 con (lớn sinh năm 2010 và nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 07 (bảy) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2019, bị cáo Huỳnh Quốc V cùng với Bùi Hữu Đ bàn bạc, thống nhất với nhau về việc tổ chức chơi số đề, cụ thể: V chịu trách nhiệm tìm những đại lý bán vé số, người bán vé số dạo, khách vắng lai để đặt vấn đề với những người này hàng ngày nhận ghi số đề của nhiều người, sau đó chuyển số đề cho V và Đ, nếu trường hợp có người muốn chơi nhưng không có tiền thì V cho ứng trước; lãi, lỗ chia theo tỷ lệ V 60%, Đ 40%. Để có người giúp việc tổng hợp số đề từ cấp dưới chuyển lên, tính toán số tiền thắng thua, thu và chung tiền đề, V thuê bị cáo Vũ Hiếu N, bị cáo Đàm M K và bị cáo Võ Quang M trả cho mỗi người từ 1.200.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tuần. Trước ngày 02/4/2019 khoảng một tuần, do bị thua nhiều, đồng thời các đầu dưới chuyển lên số tiền đánh đề lớn, sợ không đủ khả năng trả nhưng lại sợ nếu không nhận thì không duy trì được đường dây nên V giữ lại một phần tiền đề dưới chuyển lên để trực tiếp thắng thua, còn lại chuyển tiền lên cho một người đàn ông tên H (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) với giá ngang bằng và không hưởng lợi gì. Để thực hiện việc nhận, chuyển số đề, V sử dụng số điện thoại 0368584447 và 0931925568 để nhắn tin thông qua tin nhắn điện thoại hoặc mạng xã hội Zalo.

Về hình thức đánh bạc: Hàng ngày những người tổ chức đánh bạc và đánh bạc dựa vào kết quả xổ số của những đài được mở thưởng trong ngày để ghi và đánh số đề. Người đánh số đề có thể đánh 02 số dựa vào 02 số cuối của kết quả xổ số, tỷ lệ thắng, thua là 1 x 70; đánh 03 số dựa vào 03 số cuối của kết quả xổ số, tỷ lệ thắng, thua là 1 x 500; người chơi có thể lựa chọn 02 cặp số bất kỳ để đặt cược, nếu 02 cặp số đó đều có trong kết quả xổ số thì trúng tỷ lệ 1 x 500 hoặc đánh 03 cặp số bất kỳ nếu cả 03 cặp số đều có trong kết quả xổ số thì trúng tỷ lệ 1 x 3.500. Ngoài ra, người chơi có thể lựa chọn bất kỳ lô (giải) nào để đặt

cược thông thường hay đặt cược đầu (giải 8), kê (giải nhất), đặc biệt (giải đặc biệt) hay chọn tất cả các lô trong một đài (gọi là đánh bao lô).

Hành vi phạm tội của các bị cáo Huỳnh Quốc V, Bùi Hữu Đ, Đàm M K và Vũ Hiếu N, cụ thể như sau:

- Trong ngày 01/4/2019: Nguyễn Cửu Thị Kim H nhận ghi số đề Đài Phú Yên của Lê Thị N tương ứng số tiền 25.200.000 đồng rồi nhắn tin chuyển số ghi đề vào số điện thoại 0905188537 của người đàn ông tên H (*trước đó V nói với H nhắn tin chuyển vào số điện thoại này, V sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho H, mà không nói cho H biết đây là số của H*). Kết quả, không có số ghi đề nào trúng nhưng do Lê Thị N ghi nợ, chưa giao tiền cho H nên H chưa chuyển tiền cho V.

- Trong ngày 02/4/2019: V và đồng bọn đã nhận số ghi đề của những người sau:

+ Nhận số đề do Nguyễn Thị H1 nhắn đánh số Đài xổ số Đắc Lắc tương ứng số tiền 7.073.000 đồng và Đài Quảng Ninh tương ứng số tiền 4.954.000 đồng. Kết quả H1 trúng số Đài Đắc Lắc 5.250.000 đồng, trúng số Đài Quảng Ninh 2.880.000 đồng nhưng H1 chưa chuyển tiền cho V và V cũng chưa thanh toán tiền thắng thua cho H1.

+ Nhận số đề của Trần Thị Hoàng A qua tin nhắn đài Đắc Lắc tương ứng 8.466.000 đồng, đài Quảng Ninh tương ứng 15.061.000 đồng và đài Quảng Nam tương ứng 543.000 đồng. Kết quả, đài Đắc Lắc, A trúng 8.750.000 đồng, đài Quảng Ninh trúng 2.450.000 đồng, còn đài Quảng Nam không trúng. Tuy nhiên, A và V chưa chuyển tiền và thanh toán tiền thắng thua cho nhau.

+ Nhận số đề của Lương Mỹ D qua tin nhắn mạng Zalo Đài Đắc Lắc tương ứng 4.718.000 đồng, Đài Quảng Ninh tương ứng 20.238.000 đồng; kết quả, D không trúng số nào nhưng D chưa chuyển tiền cho Đàm M K.

+ Nhận số đề của Đàm Trương D qua tin nhắn Đài Quảng Ninh tương ứng 5.568.000 đồng; kết quả, D trúng 3.500.000 đồng nhưng D ghi nợ chưa chuyển tiền cho V và V cũng chưa thanh toán thắng thua cho D.

+ Nhận số đề của Nguyễn Văn Châu qua tin nhắn Đài Đắc Lắc tương ứng 1.891.000 đồng, Đài Quảng Ninh tương ứng 810.000 đồng; kết quả, Châu trúng Đài Đắc Lắc 2.100.000 đồng, còn Đài Quảng Ninh không trúng nhưng Châu và V chưa chuyển tiền và thanh toán thắng thua với nhau.

+ Nhận số đề của người đàn ông tên H (*không xác định được nhân thân, lai lịch*) qua tin nhắn Đài Đắc Lắc tương ứng 2.114.000 đồng và Đài Quảng Ninh tương ứng 2.591.000 đồng; kết quả H trúng Đài Đắc Lắc 2.800.000 đồng và Đài Quảng Ninh 2.100.000 đồng nhưng H và V chưa chuyển tiền và thanh toán tiền thắng thua với nhau.

+ Nhận số đề của người đàn ông tên B (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) qua tin nhắn Đài Đắc Lắc tương ứng 876.000 đồng và Đài Quảng Ninh tương ứng 340.000 đồng; kết quả, B trúng Đài Đắc Lắc 350.000 đồng, còn Đài Quảng Ninh không trúng nhưng B và V chưa chuyển tiền và thanh toán tiền thắng thua cho nhau.

+ Nhận của số đề của Vũ Thị N qua tin nhắn Đài Đắc Lắc tương ứng 931.000 đồng và Đài Quảng Ninh tương ứng 2.582.000 đồng. Kết quả, Đài Đắc

Lắc, Vũ Thị N không trúng, còn Đài Quảng Ninh trúng 4.140.000 đồng nhưng N và V chưa chuyển tiền và chưa thanh toán tiền thắng thua cho nhau và N cũng chưa nộp số tiền này.

+ Nhận số đề của người đàn ông tên K (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) qua tin nhắn mạng xã hội Zalo Đài Đắc Lắc tương ứng 11.034.000 đồng và Đài Quảng Ninh tương ứng 189.064.000 đồng. Kết quả, K trúng Đài Đắc Lắc 7.000.000 đồng và Đài Quảng Ninh 70.000.000 đồng nhưng K và V chưa chuyển tiền và thanh toán tiền thắng thua cho nhau.

+ Nhận số đề của Ngô Thị Kim T qua tin nhắn mạng xã hội Zalo Đài Đắc Lắc tương ứng 8.178.000 đồng. Kết quả, T trúng 4.200.000 đồng nhưng T và V chưa chuyển tiền và thanh toán tiền thắng thua cho nhau.

+ Nhận số đề của Nguyễn Cửu Thị Kim H qua tin nhắn thông qua số điện thoại 0905188537 của người tên H của Đài Đắc Lắc tương ứng số tiền 63.000.000 đồng (*chuyển qua số điện thoại của H, nhưng V cùng đồng bọn chịu trách nhiệm nhận tiền và tính toán tiền thắng thua với H*). Kết quả, H không trúng và H chưa chuyển tiền cho V.

+ Vũ Hiếu N nhận số đề từ các đầu dưới rồi sử dụng số điện thoại 0368547450 nhắn tin chuyển số đề cho V đài Đắc Lắc tương ứng 28.330.000 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 44.632.000 đồng. Kết quả, đầu dưới trúng đài Đắc Lắc 24.500.000 đồng và đài Quảng Ninh 37.100.000 đồng nhưng N chưa nhận tiền từ đầu dưới để đưa cho V và V cũng chưa thanh toán tiền thắng thua với các đầu dưới.

Sau khi nhận số đề của những người nêu trên, V cùng đồng bọn chuyển cho H đài Đắc Lắc tương ứng 88.740.000 đồng (*trong đó có 63.000.000 đồng do Nguyễn Cửu Thị Kim H trực tiếp chuyển*) và đài Quảng Ninh tương ứng 222.498.000 đồng. Kết quả, chuyển đi cho H thì đài Đắc Lắc không có số trúng, còn đài Quảng Ninh trúng 78.050.000 đồng nhưng V và H chưa chuyển tiền và chưa thanh toán tiền thắng thua cho nhau.

V cùng đồng bọn giữ lại để trực tiếp thắng thua đài Đắc Lắc tương ứng 47.871.000 đồng, đài xổ số Quảng Ninh tương ứng 63.342.000 đồng và đài xổ số Quảng Nam tương ứng 543.000 đồng. Kết quả, đầu dưới trúng đài Đắc Lắc 54.950.000 đồng, trúng đài Quảng Ninh 63.342.000 đồng, còn đài Quảng Nam không trúng nhưng V chưa nhận tiền từ đầu dưới và cũng chưa thanh toán tiền thắng thua với các đầu dưới.

Như vậy, trong ngày 02/4/2019, Huỳnh Quốc V, Bùi Hữu Đ, Đàm M K và Vũ Hiếu N đã nhận số đề đài Đắc Lắc tương ứng với số tiền 136.611.000 đồng; đài Quảng Ninh tương ứng với số tiền 285.840.000 đồng và đài Quảng Nam tương ứng với số tiền 543.000 đồng. Kết quả, các đầu dưới trúng đài Đắc Lắc 54.950.000 đồng, đài Quảng Ninh trúng 122.170.000 đồng, còn đài Quảng Nam không trúng. Do đó, tiền đánh bạc của V cùng đồng bọn được xác định đối với đài Đắc Lắc là 191.561.000 đồng và đài Quảng Ninh là 408.010.000 đồng. Quá trình điều tra Huỳnh Quốc V giao nộp 7.000.000 đồng, Bùi Hữu Đ giao nộp 5.500.000 đồng, Vũ Hiếu N giao nộp 6.000.000 đồng, Đàm M K giao nộp 2.700.000 đồng là tiền thu lợi bất chính.

+ Ngoài việc tham gia giúp sức cho Huỳnh Quốc V và đồng bọn thì trong

ngày 02/4/2019, Vũ Hiếu N còn giữ lại để trực tiếp thắng thua đài Đắc Lắc tương ứng 12.362.000 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 3.693.500 đồng. Kết quả người đánh trúng đài Đắc Lắc 13.130.000 đồng, còn đài Quảng Ninh không trúng. Bù trừ tiền thắng, thua của 02 đài xổ số, N đã trả cho đầu dưới 16.285.000 đồng.

Hành vi phạm tội của Ngô Thị Kim T và Lê Vĩnh Nguyên T:

Vào đầu năm 2019, do biết T làm đại lý bán vé số nên Huỳnh Quốc V và Nguyễn Thị H có trao đổi với T về việc nhận số đề chuyển cho V và H để hưởng hoa hồng thì T đồng ý. Sau đó, hàng ngày T nhận tiền số đề của người khác rồi sử dụng mạng xã hội Zalo chuyển cho V và H để hưởng hoa hồng. Đến đầu tháng 3/2019, do T thường xuyên bị đau ốm nên T đã nhờ Lê Vĩnh Nguyên T (*là con dâu*) hàng ngày phụ giúp việc nhận, chuyển số đề và tính toán thắng, thua, đồng thời T sẽ trả công qua việc chi tiêu ăn uống hàng ngày và tiền học cho con của vợ chồng T.

Trong ngày 02/4/2019: T và T đã nhận số đề của những người sau:

+ Nguyễn Thành N sử dụng mạng xã hội Zalo, tài khoản “*Chunam*” để nhắn tin chuyển số đề cho T đài Đắc Lắc tương ứng 3.549.000 đồng. Kết quả N trúng số đề 2.660.000 đồng, tuy nhiên N và T chưa chuyển tiền và thanh toán cho nhau.

+ Nguyễn Như M sử dụng mạng xã hội Zalo, tài khoản “*M*” nhắn tin chuyển số đề đài Đắc Lắc tương ứng 4.533.000 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 2.619.000 đồng. Kết quả, M trúng đài Quảng Ninh 1.010.000 đồng, còn đài Đắc Lắc không trúng, M và T đã thanh toán tiền với nhau.

+ Huỳnh Thị Y sử dụng mạng xã hội Zalo, tài khoản “*N*” nhắn tin chuyển số đề đài Đắc Lắc tương ứng 3.914.000 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 2.895.000 đồng. Kết quả, Y trúng đài Đắc Lắc 700.000 đồng và Quảng Ninh 3.200.000 đồng nhưng Y chưa chuyển và thanh toán tiền thắng thua với T.

+ Huỳnh Thị H sử dụng mạng xã hội Zalo, tài khoản “*Nguyễn Thị H*” nhắn tin chuyển số đề đài Đắc Lắc tương ứng 4.097.000 đồng. Kết quả, H trúng 2.800.000 đồng. H chưa chuyển tiền và thanh toán tiền thắng thua với T.

+ Người tên N (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) sử dụng mạng xã hội Zalo, tài khoản “*Trần Thị Bích N*” nhắn tin đài Đắc Lắc tương ứng 2.316.000 đồng. Kết quả, N trúng 3.780.000 đồng, tuy nhiên N chưa chuyển tiền và thanh toán tiền thắng thua với T.

+ Người tên P (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) sử dụng mạng xã hội Zalo, tài khoản “*Võ Thị T P*” nhắn tin chuyển số đề đài Đắc Lắc tương ứng 9.230.000 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 5.985.000 đồng. Kết quả, P trúng đài Đắc Lắc 6.300.000 đồng, còn đài Quảng Ninh không trúng. P chưa chuyển tiền và thanh toán tiền thắng thua với T.

+ Ngoài việc nhận số đề từ những người trên thì T và T còn trực tiếp ghi số đề cho một số đối tượng vắng mặt (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*), đổi với đài Đắc Lắc số tiền 2.642.000 đồng và đài Quảng Ninh số tiền 1.332.000 đồng. Kết quả đài Đắc Lắc người đánh trúng 2.100.000 đồng và đài Quảng Ninh người đánh trúng 1.050.000 đồng; T và T đã nhận tiền đánh đề và thanh toán tiền trúng số đề cho người đánh.

Sau khi nhận các số đề nêu trên T và T chuyển cho Huỳnh Quốc V đài Đắc Lắc tương ứng 8.178.000 đồng; chuyển cho Nguyễn Thị H đài Đắc Lắc tương ứng 21.258.000 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 12.370.000 đồng, còn giữ lại tiền hoa hồng tương ứng 1.306.000 đồng nhưng T và T chưa chuyển tiền và chưa thanh toán tiền thắng thua với V và H.

Như vậy, T và T đã nhận số đề đài Đắc Lắc tương ứng với số tiền 30.281.000 đồng; đài Quảng Ninh tương ứng với số tiền 12.631.000 đồng. Kết quả, các đầu dưới trúng đài Đắc Lắc 18.340.000 đồng, đài Quảng Ninh trúng 5.260.000 đồng. Do đó, số tiền tổ chức đánh bạc của T và T được xác định đối với đài Đắc Lắc là 48.621.000 đồng và đài Quảng Ninh là 17.891.000 đồng nhưng do bị phát hiện nên T và T chưa được hưởng tiền hoa hồng 1.306.000 đồng. Trong thời gian ghi số đề, T hưởng lợi 7.000.000 đồng và T đã tự nguyện giao nộp lại số tiền này.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Cửu Thị Kim H và Lê Thị N:

Đầu năm 2019, do biết H có ghi số đề nên Huỳnh Quốc V trao đổi với H nhận ghi số đề rồi chuyển cho V để hưởng hoa hồng thì H đồng ý. Hàng ngày, H sử dụng 02 số điện thoại là 0974294624 và 0984180415 nhắn tin chuyển số đề cho V qua số điện thoại 0368584447.

- Ngày 01/4/2019: H nhận số đề đài Phú Yên của Lê Thị N qua tin nhắn của 02 số điện thoại 0846039939 và 0974996746 tương ứng số tiền 25.740.000 đồng. Sau đó, H nhắn tin chuyển số đề cho H qua số điện thoại 0905188537 (*V đưa số điện thoại của H cho H nhưng không nói cho H biết số của người khác và trực tiếp chịu trách nhiệm thắng thua với H*) là 25.200.000 đồng và hưởng hoa hồng tương ứng 540.000 đồng, kết quả N không trúng.

- Ngày 02/4/2019: H nhận số đề đài Đắc Lắc của Lê Thị N tương ứng số tiền 64.350.000 đồng; sau đó, H nhắn tin chuyển số đề cho H qua số điện thoại 0905188537 (*V chịu trách nhiệm thắng thua với H*) tương ứng số tiền 63.000.000 đồng và hoa hồng tương ứng 1.350.000 đồng, kết quả N không trúng.

Tuy nhiên, do Lê Thị N chưa đưa tiền thua ngày 01 và 02/4/2019 nên H chưa thanh toán tiền với V và chưa được hưởng tiền hoa hồng 1.890.000 đồng. Ngoài ra, trong thời gian ghi số đề trước đó H hưởng lợi 10.000.000 đồng và H đã tự nguyện giao nộp số tiền này.

Hành vi phạm tội của Nghiêm Văn P:

Vào tháng 02/2019, P nhận ghi số đề của người đánh rồi sử dụng số điện thoại 0905974514 nhắn chuyển số đề cho Vũ Hiếu N qua hai số điện thoại 0368547450, 0368584447 để hưởng hoa hồng, cụ thể:

- Ngày 02/4/2019: P nhận ghi số đề đài Đắc Lắc tương ứng 5.229.000 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 1.710.000 đồng. Sau đó, P nhắn tin chuyển cho N đài Đắc Lắc tương ứng 4.993.000 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 1.652.000 đồng, P hưởng lợi 290.000 đồng. Kết quả, đài Đắc Lắc P trúng 5.430.000 đồng và đài Quảng Ninh 17.500.000 đồng, bù trừ thắng, thua của 02 đài, N đã trả cho P 16.285.000 đồng.

Đến 08 giờ ngày 03/4/2019, trong lúc P đang giao tiền thắng cho Nguyễn Văn H (*sinh năm 1988, trú tại tỉnh Đắc Lắc*) thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang, thu giữ số tiền 17.800.000 đồng và một số tang vật có liên quan. Tổng số tiền P thu lợi bất chính trong quá trình ghi số đề là 4.000.000 đồng (*P đã giao nộp*) và đã thanh toán hết số tiền thắng thua cho khách. Như vậy, số tiền đánh bạc của Nghiêm Văn P được xác định đài Đắk Lắk là 10.659.000 đồng và đài Quảng Ninh là 19.210.000 đồng.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị H1:

Vào đầu năm 2019, H1 nhận ghi số đề của của người đánh rồi chuyển lại cho V để hưởng tiền hoa hồng. Hàng ngày, H1 nhận số đề từ người đánh rồi sử dụng số điện thoại 0358759651 nhắn tin chuyển cho V qua số điện thoại 0368584447.

- Ngày 02/4/2019: H1 nhận ghi số đề đài Đắk Lắk cho nhiều người (*khách vắng lai*) tương ứng 7.432.500 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 5.207.000 đồng. Sau đó, H1 nhắn tin chuyển cho V đài Đắk Lắk tương ứng 7.073.000 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 4.954.000 đồng. H1 hưởng lợi tiền hoa hồng tương ứng 612.500 đồng. Kết quả, người đánh đề trúng đài Đắk Lắk 5.250.000 đồng và đài Quảng Ninh 2.880.000 đồng. H1 đã nhận tiền của người đánh đề nhưng chưa chuyển cho V, đồng thời H1 đã thanh toán tiền thắng thua cho người đánh. Trong quá trình ghi số đề trước đó, H1 thu lợi bất chính tổng cộng 3.000.000 đồng (*H1 đã giao nộp số tiền này*). Như vậy, số tiền đánh bạc của H1 được xác định đài Đắk Lắk là 12.682.000 đồng và đài Quảng Ninh là 8.087.000 đồng.

Hành vi phạm tội của Trần Thị Hoàng A:

Đầu năm 2019, Huỳnh Quốc V trao đổi với A về việc nhận ghi số đề chuyển cho V để hưởng hoa hồng, thì A đồng ý. Hàng ngày, A nhận số đề từ người đánh rồi sử dụng số điện thoại 0366009624 nhắn tin chuyển cho V qua số điện thoại 0368584447.

- Ngày 02/4/2019: A nhận số đề đài Đắk Lắk tương ứng 8.888.000 đồng; đài xổ số Quảng Ninh tương ứng 15.636.000 đồng và đài Quảng Nam tương ứng 718.000 đồng. Sau đó, A nhắn tin chuyển cho V đài Đắk Lắk tương ứng 8.466.000 đồng, đài Quảng Ninh tương ứng 15.061.000 đồng và đài Quảng Nam tương ứng 543.000 đồng, số tiền hoa hồng A được hưởng tương ứng 1.172.000 đồng. Kết quả, đài Đắk Lắk người đánh trúng 8.750.000 đồng, đài Quảng Ninh trúng 2.450.000 đồng và đài Quảng Nam không trúng. Số tiền đánh bạc của người chơi thì A chưa nhận vì họ mới nhắn tin các con số chứ chưa chuyển tiền nên chưa được hưởng lợi 1.172.000 đồng. A cũng chưa chuyển và thanh toán tiền thắng thua với V. Trong thời gian ghi số đề, A thu lợi với tổng số tiền 7.500.000 đồng (*A đã giao nộp số tiền này*). Như vậy, số tiền đánh bạc của A được xác định đài Đắk Lắk là 17.638.000 đồng và đài Quảng Ninh là 18.086.000 đồng và đài Quảng Nam là 718.000 đồng.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị H:

Trong tháng 3/2019, H thường nhận tiền số đề của Ngô Thị Kim T để trực tiếp thắng, thua. Hàng ngày, H sử dụng mạng xã hội Zalo tài khoản “H Nguyễn” để nhận số đề từ T.

- Ngày 02/4/2019: H nhận số đề đài Đắk Lắk để trực tiếp thắng thua từ T tương ứng 21.258.000 đồng và đài Quảng Ninh tương ứng 12.370.000 đồng. Kết

quả, T trúng đài Đắc Lắc 19.040.000 đồng và đài Quảng Ninh trúng 10.775.000 đồng. Như vậy, trong ngày 02/4/2019, số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị H được xác định đài Đắc Lắc là 40.298.000 đồng và đài Quảng Ninh là 23.775.000 đồng. Số tiền này H và T chưa thanh toán với nhau. H đã tự nguyện giao nộp số tiền đánh bạc là 3.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắc Lắc đã thu giữ nhiều vật chứng mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc (như điện thoại, sim điện thoại, máy tính, Sổ sách ghi chép...), thu giữ một phần tiền thu lợi bất chính các bị cáo giao nộp; đối với một số đối tượng chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra tỉnh Đắc Lắc đã tách hành vi của những người này để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau; đối với một số đối tượng liên quan thì số tiền họ tham gia đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, chưa có tiền án, tiền sự về hành vi “Tổ chức đánh bạc” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắc Lắc đã ra quyết định xử phạt hành chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2020/HS-ST ngày 28/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc quyết định:

[1] Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Quốc V, Bùi Hữu Đ, Vũ Hiếu N, Đàm M K, Ngô Thị Kim T, Lê Vĩnh Nguyên T và Nguyễn Cửu Thị Kim H phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; bị cáo Lê Thị N, Trần Thị Hoàng A, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Vũ Thị N, Huỳnh Thị Hạnh, Huỳnh Thị Yến, Nguyễn Thành Nam, Nghiêm Văn P, Lương Mỹ D và Đàm Trương D phạm tội “*Đánh bạc*”.

1.1. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Huỳnh Quốc V** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 04/7/2019.

1.2. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Bùi Hữu Đ** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019 đến ngày 04/7/2019.

1.3. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Vũ Hiếu N** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 04/7/2019.

1.4. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Đàm M K** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 04/7/2019.

1.5. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Cửu Thị Kim H** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp

hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 09/5/2019.

1.6. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Ngô Thị Kim T** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 03/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

1.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thị N** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 03/4/2019, đến ngày 12/4/2019.

1.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H1** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.10. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thị Hoàng A** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 03/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

1.11. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nghiêm Văn P** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 03/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

[2] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Phạt tiền bị cáo Huỳnh Quốc V số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo Bùi Hữu Đ số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 31/7/2020, bị cáo Huỳnh Quốc V kháng cáo cho rằng hình phạt 03 năm tù là nặng, xin giảm hình phạt vì chưa có tiền án tiền sự; ăn năn hối cải, thật thà khai báo;

- Ngày 07/8/2020, bị cáo Bùi Hữu Đ kháng cáo trình bày chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo nhiều năm là chiến sĩ thi đua; có cha và ông nội là người có công với cách mạng; hoàn cảnh gia đình bị cáo là lao động chính phải nuôi con nhỏ; mẹ già, nên xin cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt hoặc xin hưởng án treo;

- Ngày 31/7/2020, bị cáo Vũ Hữu N kháng cáo cho rằng hình phạt 02 năm tù là nặng, xin giảm nhẹ hình phạt vì chưa có tiền án, tiền sự; ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo;

- Ngày 31/7/2020, bị cáo Đoàn M K kháng cáo cho rằng hình phạt 02 năm tù là nặng, xin giảm nhẹ hình phạt vì chưa có tiền án, tiền sự; ăn năn hối cải, thật thà khai báo;

- Ngày 30/7/2020, bị cáo Nguyễn Cửu Thị Kim H kháng cáo cho rằng hình phạt 01 năm tù với bị cáo là quá nặng, xin giảm nhẹ hình phạt vì chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo ăn năn hối cải, thật thà khai báo; hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn;

- Ngày 30/7/2020 bị cáo Ngô Thị Kim T kháng cáo cho rằng mức hình phạt 01 năm tù là nặng, xin giảm nhẹ hình phạt vì chưa có tiền án, tiền sự; ăn năn hối cải thành khẩn khai báo; hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn;

- Ngày 03/8/2020 bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo cho rằng mức hình phạt 15 tháng tù là nặng, xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo bị bệnh liệt nửa người, đi đứng không vững, không có khả năng lao động;

- Ngày 03/8/2020 bị cáo Trần Thị Hoàng A kháng cáo cho rằng bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, hình phạt 09 tháng tù giam là quá nặng;

- Ngày 29/7/2020, bị cáo Nghiêm Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn do có 2 con gái còn nhỏ; bản thân là lao động chính trong gia đình; chồng bị bệnh hiểm nghèo (xơ gan giai đoạn cuối, có xác nhận của bệnh viện); chưa có tiền án, tiền sự; ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo;

- Ngày 04/8/2020, bị cáo Lê Thị N kháng cáo xin hưởng án treo vì phạm tội lần đầu; ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn; đã khắc phục một phần hậu quả cho Nhà nước số tiền 20 triệu đồng; gia đình có công với Cách mạng, cụ thể cha là Lê Văn Tài được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; mẹ là Nguyễn Thị Hương được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; anh ruột là liệt sỹ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi mẹ già 92 tuổi, con trai bị tai nạn giao thông chấn thương sọ não nặng; bị cáo bị u tuyến giáp đang phải điều trị;

- Ngày 06/8/2020 bị cáo Nguyễn Thị H1 kháng cáo cho rằng mức hình phạt 8 tháng tù giam là quá nặng; là mẹ đơn thân nuôi hai con nhỏ, chưa có tiền án, tiền sự nên xin hưởng án treo.

Ngày 11/12/2020 bị cáo Đàm M K gửi đơn rút lại đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Ngô Thị Kim T, Nguyễn Cửu Thị Kim H, Vũ Hiếu N, Huỳnh Quốc V, Nguyễn Thị H, Bùi Hữu Đ, Nghiêm Văn P, Trần Thị Hoàng A, Lê Thị N và Nguyễn Thị H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ

các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, tuy các bị cáo Ngô Thị Kim T, Nguyễn Cửu Thị Kim H, Vũ Hiếu N, Huỳnh Quốc V, Nguyễn Thị H, Bùi Hữu Đ, Nghiêm Văn P, Trần Thị Hoàng A, Lê Thị N và Nguyễn Thị H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo có cung cấp được một số tình tiết giảm nhẹ mới nhưng không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo, do vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận phần kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo Đàm M K, đã có đơn rút đơn kháng cáo, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nhóm các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc” gồm có: Huỳnh Quốc V, Bùi Hữu Đ, Vũ Hiếu N, Ngô Thị Kim T, Nguyễn Cửu Thị Kim H; nhóm các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” gồm có: Lê Thị N, Nguyễn Thị H, Nghiêm Văn P, Trần Thị Hoàng A và Nguyễn Thị H1 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong thời gian từ đầu năm 2019 đến ngày 02/4/2019, các bị cáo đã sử dụng điện thoại di động liên lạc, nhắn tin qua mạng Zalo dưới hình thức chơi số đề thông qua chương trình Xổ số kiến thiết của đài phát thanh một số tỉnh nhằm thu lợi bất chính nhưng chưa thực hiện việc giao nhận tiền mua bán và thu lợi thì bị bắt giữ. Các bị cáo cho rằng bị xử phạt như án sơ thẩm đã tuyên là quá nghiêm khắc; nên sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận và cung cấp thêm nhiều chứng cứ về tình tiết giảm nhẹ để xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của nhóm các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”:

[3.1] Đối với bị cáo Huỳnh Quốc V: Án sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò quan trọng nhất, bị cáo là người chủ động liên lạc bàn bạc với bị cáo Bùi Hữu Đ tổ chức đánh bạc dưới hình thức chơi số đề nhằm thu lợi bất chính, trong đó bị cáo ăn chia theo tỷ lệ 60%, còn bị cáo Đ 40%. Bị cáo bị truy tố theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015 có mức hình phạt tiền từ 50.000.000đ đến 300.000.000đ; hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1; một số tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo 03 năm tù và hình phạt bổ sung là 20.000.000đ là tương xứng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo có cung cấp thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới như sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tỏ ra ăn năn thật sự, tự nguyện thi hành án xong khoản tiền phạt 20.000.000đ và tiền án phí sơ thẩm; tham gia đóng góp cho Hội chữ thập đỏ địa phương trong mùa dịch Covid-19; bản thân bị cáo bị tai nạn teo chân mất 25%

sức khỏe; do vậy HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[3.2] Đối với bị cáo Bùi Hữu Đ: Án sơ thẩm xác định bị cáo Đ có vai trò quan trọng sau bị cáo V, bị cáo là người cùng bàn bạc với bị cáo V tổ chức đánh bạc dưới hình thức chơi số đề nhằm thu lợi bất chính, trong đó bị cáo ăn chia theo tỷ lệ 40%, còn bị cáo V 60%. Bị cáo bị truy tố theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015 có mức hình phạt tiền từ 50.000.000đ đến 300.000.000đ; hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s; người phạm tội có thành tích xuất sắc trong công tác theo điểm v khoản 1 Điều 51; một số tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù và hình phạt bổ sung là 20.000.000đ là phù hợp. Xét đơn xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo; HĐXX thấy rằng: Bị cáo Đ có thời gian cống hiến trong ngành Công an và đã phần đầu đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua nhiều năm liền, được tặng bằng khen; gia đình có công với Cách mạng; đây là lần đầu phạm tội. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới như tự nguyện thi hành án xong khoản tiền phạt 20.000.000đ và tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo đang bị bệnh cao huyết áp, viêm dạ dày. Xét thấy, đây là lần đầu tiên bị cáo Đ phạm tội; có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; do vậy, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe, giáo dục.

[3.3] Đối với bị cáo Vũ Hiếu N: Án sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo Đ về hành vi tổ chức đánh bạc, do bị cáo là người làm thuê cho V và Đ nhận tiền công mỗi tuần từ 1.200.000đ đến 2.000.000đ. Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật tương tự như bị cáo V xử phạt bị cáo N 02 năm tù, thấp hơn so với mức hình phạt của bị cáo V là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo thật sự tỏ ra ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp tiền thi hành án sơ thẩm; đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa tại địa phương; bị cáo chỉ có vai trò giúp sức, nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[3.4] Đối với bị cáo Nguyễn Cửu Thị Kim H: Án sơ thẩm xác định bị cáo không tham gia bàn bạc rủ rờ, nên có vai trò thấp hơn các bị cáo V, Đ và N, sau khi nhận tiền lại từ bị cáo N và các đầu dưới khác, bị cáo H đã chuyển lên nhóm của bị cáo V, nên bị cáo H chỉ có một tình tiết định khung ở điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS. So với bị cáo N, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H mức khởi điểm 01 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có xuất trình thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới như: Bị cáo đang bị bệnh huyết áp cao; hiện tại đang nuôi mẹ già 85 tuổi; đã tự nguyện nộp xong tiền án phí sơ thẩm. Xét thấy bị cáo là phụ nữ lớn tuổi thường xuyên đau ốm, có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu vi phạm pháp luật với vai trò thứ yếu, nên cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo.

[3.5] Đối với bị cáo Ngô Thị Kim T: Án sơ thẩm xác định bị cáo không tham gia bàn bạc rủ rờ, nên có vai trò tương tự như bị cáo H, sau khi nhận tiền lại từ các đầu dưới khác, bị cáo T đã chuyển lên nhóm của bị cáo V, nên bị cáo T cũng chỉ có một tình tiết định khung ở điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS như bị

cáo H. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 01 năm tù là thỏa đáng, Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có cung cấp một số tình tiết giảm nhẹ như đã tự nguyện thi hành xong phần án phí của bản án sơ thẩm; bản thân đang bị huyết áp cao. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; là phụ nữ lớn tuổi phạm tội với vai trò thứ yếu; đã thể hiện sự ăn năn hối hận; bản thân đã ly hôn, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện chữa bệnh và chăm sóc mẹ già.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của nhóm các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”:

[4.1] Đối với bị cáo Lê Thị N, HĐXX thấy rằng: Án sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò thấp hơn nhóm các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo N là người trực tiếp đánh bạc trên 02 lần với số tiền 88.200.000đ và chuyển tiền cho bị cáo H để bị cáo H chuyển lên cho nhóm của bị cáo V, nên bị cáo N bị truy cứu theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS năm 2015 có mức hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1; một số tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo mức án khởi điểm 03 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là tự nguyện thi hành 20.000.000đ khắc phục phần nào tại bản án sơ thẩm; ngoài ra bị cáo đang bị cao huyết áp, nuôi mẹ già 92 tuổi và con bị chấn thương sọ não nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thị H, HĐXX thấy rằng: Bị cáo H là người đánh bạc trên 02 lần, nhưng có vai trò thấp hơn các bị cáo khác. Bị cáo H bị xét xử theo khoản 1 Điều 321 BLHS có mức hình phạt tù là từ 06 tháng đến 03 năm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1; một số tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo H 01 năm 06 tháng là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có cung cấp thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới như tự nguyện nộp xong phần tiền án phí sơ thẩm; bị cáo đang bị tai biến liệt nửa người, đi lại khó khăn; xét không cần thiết cách ly bị cáo mà cho cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục.

[4.3] Đối với bị cáo Trần Thị Hoàng A: Án sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò thấp hơn các bị cáo N, H là phù hợp. Bị cáo A là người trực tiếp đánh bạc trên 02 lần với số tiền 36.442.000đ và chuyển tiền cho bị cáo V để thu lợi bất chính 7.500.000đ, nên bị cáo A bị truy cứu theo khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015 có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1; một số tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới như tự nguyện nộp xong phần án phí sơ thẩm; bản thân bị cáo là lao động chính nhưng đang bị viêm gan mãn tính; do vậy, xét bị cáo phạm tội

lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là phụ nữ có nơi cư trú rõ ràng, nên cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng thỏa đáng.

[4.4] Đối với bị cáo Nguyễn Thị H1, HĐXX thấy rằng: Án sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò thấp hơn các bị cáo H, A là phù hợp. Bị cáo H1 là người trực tiếp đánh bạc trên 02 lần với số tiền 20.769.000đ và chuyển tiền cho bị cáo V để thu lợi bất chính 3.000.000đ, nên bị cáo H1 bị truy cứu theo khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015 có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1; một số tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo 08 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có cung cấp thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 1 Điều 51 như “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và tại khoản 2 như bị cáo làm mẹ đơn thân, không có chồng, không có nơi nương tựa về kinh tế; là lao động duy nhất nuôi 02 con nhỏ dại; do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên thiếu suy nghĩ bán số đề lấy hoa hồng; nay thật sự ăn năn hối hận; từ trước đến nay luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách pháp luật; lần đầu tiên vi phạm pháp luật; chưa có tiền án tiền sự. Do vậy HĐXX xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa.

[4.5] Đối với bị cáo Nghiêm Văn P: Án sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò thấp hơn các bị cáo H, A là phù hợp. Bị cáo P là người trực tiếp đánh bạc trên 02 lần với số tiền 29.869.000đ và chuyển tiền cho bị cáo N để thu lợi bất chính 4.000.000đ, nên bị cáo P bị truy cứu theo khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015 có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1; một số tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo 08 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo có cung cấp thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới như bị cáo tự nguyện thi hành xong án phí án sơ thẩm; chồng đang bị bệnh ung thư giai đoạn cuối. Xét thấy, bản thân bị cáo là phụ nữ, có nơi cư trú rõ ràng; nhằm tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc gia đình; nên cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng thỏa đáng.

[5] Như vậy, HĐXX thấy rằng các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Thị Hoàng A, Nghiêm Văn P, Nguyễn Thị H1 phạm tội “Đánh bạc” dưới hình thức ghi số đề mục đích chuyển tiền cho nhóm bị cáo V để hưởng hoa hồng, không phải là kẻ chủ mưu cầm đầu; số tiền đánh bạc không lớn; bản thân các bị cáo là phụ nữ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như lần đầu tiên phạm tội; chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn; đã tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính dù chưa thực hiện việc giao nhận tiền; sau khi xử sơ thẩm đã nộp xong tiền án phí. Các bị cáo có cung cấp thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 1 Điều 51 như “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và một số tình tiết khác tại khoản 2 như bị cáo H1 là người mẹ đơn thân, không có chồng, không có nơi nương tựa về kinh tế; là lao động duy nhất nuôi 02 con nhỏ dại. Bị cáo P là dân tộc thiểu số không biết chữ, thiếu hiểu biết; có chồng bị ung thư giai đoạn cuối.

Bị cáo A bị viêm gan mãn tính; chồng không có công việc ổn định; bản thân còn nuôi 02 con nhỏ dại. Bị cáo H bị bệnh thần kinh có triệu chứng liệt nửa người. Các bị cáo do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên thiếu suy nghĩ bán số đề lấy hoa hồng; nay thật sự ăn năn hối hận; từ trước đến nay luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách pháp luật; lần đầu tiên vi phạm pháp luật; chưa có tiền án tiền sự. Do vậy, HĐXX xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình thật sự khó khăn, đã bị giam giữ một thời gian, nên không nhất thiết áp dụng hình phạt tù, mà chuyển sang hình phạt nhẹ hơn là cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo tiến bộ.

[6] Đối với các bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, hầu hết là phụ nữ nội trợ trong gia đình không có thu nhập nào khác, nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Quốc V, Bùi Hữu Đ, Vũ Hiếu N, Ngô Thị Kim T, Nguyễn Cửu Thị Kim H, Nguyễn Thị H, Lê Thị N, Trần Thị Hoàng A, Nghiêm Văn P, Nguyễn Thị H1 được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, d, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Quốc V, Bùi Hữu Đ, Vũ Hiếu N, Ngô Thị Kim T, Nguyễn Cửu Thị Kim H; Lê Thị N, Nguyễn Thị H, Nghiêm Văn P, Trần Thị Hoàng A và Nguyễn Thị H1; sửa phần hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Quốc V, Bùi Hữu Đ, Vũ Hiếu N, Ngô Thị Kim T và Nguyễn Cửu Thị Kim H phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; các bị cáo Lê Thị N, Trần Thị Hoàng A, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 và Nghiêm Văn P phạm tội “*Đánh bạc*”.

1.1. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Huỳnh Quốc V** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 04/7/2019.

1.2. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Vũ Hiếu N** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 04/7/2019.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thị N** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

1.4. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Bùi Hữu Đ** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

1.5. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Cửu Thị Kim H** 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

1.6. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Ngô Thị Kim T** 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Hữu Đ cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Nguyễn Cửu Thị Kim H và bị cáo Ngô Thị Kim T cho UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

1.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H1** 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

1.9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thị Hoàng A** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 12/4/2019 là 10 ngày (quy thành 30 ngày); bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

1.10. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nghiêm Văn P (Vân)** 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến ngày 12/4/2019 là 10 ngày (quy thành 30 ngày); bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Nguyễn Thị H1 cho Ủy ban nhân dân phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Trần Thị Hoàng A cho Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Nghiêm Văn P (Vân) cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án tại địa phương. Người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự;

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Trần Thị Hoàng A và Nghiêm Văn P (Vân).

2. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đàm M K.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Huỳnh Quốc V, Bùi Hữu Đ, Vũ Hiếu N, Ngô Thị Kim T, Nguyễn Cửu Thị Kim H; Lê Thị N, Nguyễn Thị H, Nghiêm Văn P, Trần Thị Hoàng A và Nguyễn Thị H1 không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/3/2021).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHHS- Công an Đắk Lắk ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND các xã, phường;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường